|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | **BỘ NÔNG NGHIỆP**  **VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**  Số: 5478/BC-BNN-KH | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  *Hà Nội, ngày 10 tháng 8 năm 2023* |  |  | |  |

**BÁO CÁO**

**Một số nội dung liên quan đến nhóm vấn đề chất vấn**

**tại Phiên họp thứ 25 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội**

Kính gửi: Các vị đại biểu Quốc hội

Căn cứ công văn số 2674/TTKQH-GS ngày 03/8/2023 của Tổng Thư ký Quốc hội về việc chuẩn bị báo cáo giải trình và trả lời chất vấn tại Phiên họp thứ 25 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xin trân trọng báo cáo như sau:

**I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN NGÀNH NÔNG NGHIỆP, NÔNG THÔN 7 THÁNG, NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM CÁC THÁNG CUỐI NĂM 2023**

**1. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu chủ yếu**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Mục tiêu** | **KQ 6 tháng** | **KQ 7 tháng** | **KH năm** |
| 1. Tốc độ tăng trưởng GDP | 3,07 | - | 3-3,5% |
| 2. Kim ngạch xuất khẩu | 24,59 tỷ USD | 29,1 tỷ USD | 54 - 55 tỷ USD |
| 3. Tỷ lệ xã đạt chuẩn NTM | 73,65% | 73,72% | 78% |

**2. Kết quả một số lĩnh vực chính**

***a) Về sản xuất***

- Trồng trọt: Các địa phương tập trung đẩy nhanh tiến độ gieo cấy lúa Mùa và lúa Thu Đông, chăm sóc và thu hoạch lúa Hè Thu, các loại cây trồng đều phát triển tốt. Lúa gieo cấy 6.175,3 nghìn ha lúa, giảm 0,8% so với CKNT; đã thu hoạch 3.677,4 nghìn ha, giảm 0,8%; sản lượng đạt **24,1 triệu tấn**, tăng 0,4%.

- Chăn nuôi: Gia súc, gia cầm phát triển ổn định, dịch bệnh cơ bản được kiểm soát. Ước tính đàn trâu giảm khoảng 1,8%, đàn bò tăng khoảng 1,0%, đàn lợn tăng 2,8%, đàn gia cầm tăng 2,3% so CKNT.

- Lâm nghiệp: Thời tiết chuyển nắng nóng kéo dài ở hầu hết các địa phương làm giảm tiến độ trồng rừng mới, nguy cơ cháy rừng cao. Kết quả: Trồng 133,1 nghìn ha rừng, tăng 1,9%; sản lượng gỗ khai thác **10.492,9** nghìn m3, tăng 2,8%.

- Thủy sản: Hoạt động nuôi trồng tăng khá do đang là thời điểm thu hoạch, hoạt động khai thác chưa bị ảnh hưởng nhiều bởi mùa mưa bão. Tổng sản lượng **5,09** triệu tấn, tăng 1,9%; trong đó nuôi trồng 2,81 triệu tấn, tăng 3,1%; khai thác 2,28 triệu tấn, tăng 0,4%.

*Đánh giá chung:* *Các cân đối cung - cầu, ANLT Quốc gia được bảo đảm vững chắc; nguồn cung, sản lượng lúa gạo, thịt hơi, sữa tươi, trứng gia cầm, thuỷ sản…đáp ứng tiêu dùng nội địa và cho xuất khẩu.*

***b) Về xây dựng nông thôn mới, đổi mới tổ chức sản xuất:***

- Có **6.021**/8.167 xã (73,72%) đạt chuẩn NTM; có 1.518 xã đạt chuẩn NTM nâng cao; 215 xã đạt chuẩn NTM kiểu mẫu; **263** đơn vị cấp huyện đạt chuẩn NTM (40,8%); **19** tỉnh có 100% số xã đạt chuẩn NTM; công nhận **9.852** sản phẩm OCOP đạt 3 sao trở lên với **5.069** chủ thể tham gia.

- Cả nước có **20.057** HTX nông nghiệp và 19.660 trang trại.

***c) Về tiêu thụ, phát triển thị trường:***

*Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu* 7 tháng đầu năm đạt 52,37 tỷ USD, trong đó: Xuất khẩu **29,13** tỷ USD, giảm 9,1% so với CKNT (vẫn duy trì **xuất siêu 5,88 tỷ USD**). Trong đó, thuỷ sản đạt 4,95 tỷ USD, giảm 25,4%; lâm sản 7,79 tỷ USD, giảm 25,5%; đầu vào sản xuất đạt 1,13 tỷ USD, giảm 25,1%. Một số nhóm hàng có giá trị XK cao hơn CKNT, như: Nông sản đạt gần 15 tỷ USD, tăng 13,2% *(trong đó: hàng rau quả 3,23 tỷ USD, tăng 68,1%; Gạo 2,58 tỷ USD, tăng 29,6%; Hạt điều 1,95 tỷ USD, tăng 9,8%; Cà phê 2,76 tỷ USD, tăng 6%)*; Sản phẩm chăn nuôi đạt 276 triệu USD, tăng 27,4%.

*Về thị trường xuất khẩu:* Bảy tháng đầu năm, Trung Quốc, Hoa Kỳ và Nhật Bản tiếp tục duy trì là 3 thị trường xuất khẩu NLTS lớn nhất; giá trị xuất khẩu sang Trung Quốc chiếm tỷ trọng 21,9%, tăng 12,5% so với CKNT; Hoa Kỳ chiếm 20,4%, giảm 29,3% và Nhật Bản chiếm 7,6%, giảm 6,9%.

***d) Đầu tư xây dựng cơ bản***

Năm 2023, Bộ Nông nghiệp và PTNT được giao 9.852 tỷ đồng (vốn trong nước 8.052 tỷ đồng, vốn nước ngoài 1.800 tỷ đồng). Ước đến 31/7 đã giải ngân **3.719,9 tỷ đồng**, đạt **37,8%** kế hoạch.

**3. Nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu các tháng cuối năm 2023**

Thực hiện hiệu quả, đồng bộ các nhiệm vụ, giải pháp tại Nghị quyết số 19/NQ-TW ngày 16/6/2022 về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; thực hiện các luật, chiến lược, chương trình, đề án, quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành, nhất là Chiến lược phát triển nông nghiệp và nông thôn bền vững giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Kế hoạch cơ cấu lại ngành nông nghiệp giai đoạn 2021-2025. ***Chuyển mạnh từ tư duy sản xuất nông nghiệp sang tư duy kinh tế nông nghiệp;*** ***từ phát triển đơn ngành sang hợp tác, phát triển đa ngành; thúc đẩy tích hợp đa giá trị trong sản phẩm NLTS; chuyển từ chuỗi cung ứng nông sản sang phát triển các chuỗi ngành hàng***. Trong đó, tập trung các nội dung, đột phá sau:

**(1)** Đẩy mạnh cơ cấu lại ngành, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả sản xuất, kinh doanh. Tổ chức lại sản xuất theo vùng chuyên canh, gắn với chỉ dẫn địa lý, truy suất nguồn gốc và xây dựng mã số vùng trồng, vùng nuôi. Đổi mới và phát triển kinh tế hợp tác, hỗ trợ hợp tác, liên kết theo chuỗi giá trị. Định hướng các địa phương có kế hoạch sản xuất phù hợp với thị trường.

**(2)** Đẩy mạnh xúc tiến thương mại, đàm phán để tháo gỡ rào cản kỹ thuật, rào cản thương mại và mở cửa thị trường xuất khẩu nông sản vào thị trường truyền thống, các thị trường có tổng kim ngạch xuất khẩu lớn **(**Mỹ, Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc, ASEAN, châu Âu...); mở cửa các thị trường mới như: Trung Đông, châu Phi...; Phối hợp với các địa phương hỗ trợ kết nối, thúc đẩy chế biến, tiêu thụ các sản phẩm nông sản vào vụ thu hoạch.

**(3)** Thực hiện hiệu quả Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới gắn với phát triển kinh tế nông thôn.

**(4)** Đẩy nhanh tiến độ giải ngân và nâng cao hiệu quả đầu tư công tạo động lực tăng trưởng ngành năm 2023. Chú trọng phát triển thủy lợi và nâng cao năng lực phòng chống thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu

**(5)** Phát triển khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo thông qua tháo gỡ các rào cản, nút thắt cơ chế, chính sách, gắn với chuyển đổi số trong nông nghiệp, nông thôn để tạo động lực mạnh mẽ cho tăng trưởng ngành.

**(6)**Phát triển thị trường lao động trong khu vực nông nghiệp, nông thôn bền vững. Chú trọng đào tạo, huấn luyện hình thành đội ngũ nông dân thế hệ mới có kiến thức kinh tế, kỹ năng thích ứng với nền nông nghiệp xanh và thị trường; gắn nhiệm vụ đào tạo với các cơ sở giáo dục, đào tạo, các viện, trường.

**(7)**Tiếp tục cải cách thủ tục hành chính, tạo môi trường đầu tư, kinh doanh thông thoáng, thuận lợi, khơi thông các nguồn lực đầu tư.

**II. CÁC NHÓM VẤN ĐỀ ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI QUAN TÂM**

**A. Vấn đề về: Giải pháp tháo gỡ khó khăn cho xuất khẩu nông sản (thị trường đầu ra bị thu hẹp, nhiều doanh nghiệp không có đơn hàng, một số mặt hàng nông sản chủ lực bị rớt giá, thu nhập, đời sống của người nông dân bị ảnh hưởng…).**

**1. Tình hình xuất khẩu nông sản năm 2022 và 7 tháng đầu năm 2023**

- Năm 2022, tổng kim ngạch xuất khẩu nông lâm thủy sản (NLTS) đạt cao kỷ lục **53,53 tỷ USD,** tăng 9,9% so với năm 2021; trong đó: Nông sản chính đạt trên 22,7 tỷ USD, tăng 5,4 %; lâm sản chính đạt trên 17,09 tỷ USD, tăng 7,1%; thủy sản đạt trên 10,92 tỷ USD, tăng 23%. Có 12 nhóm mặt hàng có kim ngạch xuất khẩu trên 1,0 tỷ USD, trong đó 07 mặt hàng có kim ngạch trên 03 tỷ USD (gỗ và sản phẩm gỗ đạt 16,01 tỷ USD; tôm 4,31 tỷ USD; cà phê 4,05 tỷ USD; gạo 3,46 tỷ USD; cao su 3,31 tỷ USD; rau quả 3,36 tỷ USD; hạt điều 3,08 tỷ USD). Thặng dư thương mại toàn ngành đạt 8,68 tỷ USD, tăng 32,7% so với năm 2021.

- Bảy tháng đầu năm 2023, tổng kim ngạch xuất khẩu NLTS đạt **29,13** tỷ USD, giảm 9,1% so với cùng kỳ năm 2022; nhưng các doanh nghiệp cũng đã tận dụng được thời cơ để đẩy mạnh xuất khẩu các nhóm mặt hàng có lợi thế, trong đó có 04 mặt hàng có giá trị kim ngạch xuất khẩu vượt trội so với cùng kỳ là **rau quả** (3,2 tỷ USD, tăng 68,1%), **gạo** (2,58 tỷ USD, tăng 29,6%), **cà phê** (2,76 tỷ USD, tăng 6%), **hạt điều** (1,95 tỷ USD, tăng 9,8%).

**2. Các giải pháp trọng tâm tháo gỡ khó khăn vướng mắc cho xuất khẩu nông sản**

a) Với các khó khăn trong xuất khẩu NLTS vẫn hiện hữu, nhu cầu thị trường phục hồi chậm, một số biến động thị trường gần đây đặt ra thêm những thách thức nhưng cũng mở ra nhiều cơ hội, như: Ấn Độ và một số quốc gia dừng xuất khẩu gạo; Thái Lan khuyến nghị giảm diện tích trồng lúa để tránh hiện tượng El Nino; rủi ro biến đổi khí hậu nhanh hơn dự kiến ảnh hưởng lên canh tác nông nghiệp; sáng kiến ngũ cốc biển đen không được gia hạn; xung đột địa chính trị tại Châu Phi và Ucraina tiếp tục kéo dài…

b) Để khắc phục khó khăn, tận dụng cơ hội trong bảo đảm an ninh, an toàn nguồn cung thực phẩm trong nước và gia tăng xuất khẩu trong những tháng cuối năm 2023, Bộ Nông nghiệp và PTNT sẽ tập trung triển khai một số giải pháp trọng tâm như sau:

- Cập nhật, phân tích đánh giá thông tin, diễn biến thị trường một cách toàn diện, cẩn trọng để kịp thời phổ biến, hỗ trợ người dân, doanh nghiệp vượt khó, tận dụng cơ hội thị trường;

- Phối hợp với Bộ Ngoại giao, Bộ Công Thương gia tăng, đổi mới tổ chức truyền thông quảng bá chất lượng đặc thù vượt trội của nông sản Việt tại thị trường trong và ngoài nước;

- Chỉ đạo sản xuất linh hoạt, đảm bảo an ninh, an toàn thực phẩm cho tiêu dùng trong nước và đảm bảo nguồn cung phù hợp với nhu cầu xuất khẩu;

- Về dài hạn, Bộ Nông nghiệp và PTNT ưu tiên chỉ đạo triển khai các nội dung: (1) Hoàn thiện chính sách pháp luật phát triển nhãn hiệu, thương hiệu nông sản chủ lực; (2) Tổ chức sản xuất nông nghiệp bền vững theo mục tiêu, định hướng tại Chiến lược phát triển nông nghiệp và nông thôn bền vững và các giải pháp cụ thể tại các Đề án đang triển khai: “Thí điểm xây dựng vùng nguyên liệu nông, lâm sản đạt chuẩn phục vụ tiêu thụ trong nước và xuất khẩu giai đoạn 2022-2025”; “Đảm bảo ATTP, nâng cao chất lượng nông lâm thủy sản gắn với thị trường tiêu thụ”; “Thúc đẩy xuất khẩu nông lâm thủy sản đến năm 2030”… Bên cạnh đó, tiếp tục đẩy nhanh việc xây dựng trình Chính phủ ban hành và tổ chức thực hiện Đề án “Phát triển bền vững 1 triệu héc-ta chuyên canh lúa chất lượng cao gắn với tăng trưởng xanh vùng Đồng bằng sông Cửu Long”, Đề án “Phát triển hệ thống logistic nâng cao chất lượng và sức cạnh tranh của nông sản Việt Nam đến 2030, tầm nhìn 2050”.

**B. Vấn đề về: Hoạt động khai thác, bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản; giải pháp tháo gỡ “thẻ vàng” của Ủy ban Châu Âu (EC) đối với thủy sản.**

**1. Kết quả sản xuất thủy sản năm 2022 và 7 tháng đầu năm 2023**

*-* Năm 2022, tốc độ tăng giá trị sản xuất thủy sản tăng 4,1% *so với năm 2021*, tổng sản lượng đạt **9,026 triệu tấn**, tăng 2,7% so với năm 2021[[1]](#footnote-1), trong đó sản lượng sản lượng khai thác đạt 3,86 triệu tấn, giảm 1,8% so với năm 2021, nuôi trồng đạt 5,16 triệu tấn, tăng 6,4% với năm 2021. Các chỉ tiêu đều đạt vượt mức Chiến lược đề ra. Sản lượng các đối tượng chủ lực đạt: 1,6 triệu tấn cá tra, hơn 1 triệu tấn tôm nước lợ (trong đó tôm sú đạt 271 nghìn tấn, tôm thẻ chân trắng đạt 744 nghìn tấn).

*Kim ngạch xuất khẩu* *thủy sản* năm 2022 đạt kỷ lục gần **11 tỷ USD**, tăng 23,8% so với cùng kỳ năm 2021. Trong đó kim ngạch xuất khẩu: Tôm nước lợ đạt 4,1-4,2 tỷ USD; Cá tra đạt 2,35 tỷ USD.

- Bảy tháng đầu năm 2023, sản lượng đạt 5.093,6 nghìn tấn, tăng 1,9%; trong đó: Khai thác đạt 2.282,5 nghìn tấn, tăng 0,4%; Nuôi trồng đạt sản lượng 2.811,1 nghìn tấn, tăng 3,1%, trong đó: Cá tra 922,3 nghìn tấn, tăng 2,3%; tôm 590,1 nghìn tấn, tăng 4% (tôm sú đạt 147,7 nghìn tấn, tăng 1,3%; tôm thẻ chân trắng 404,6 nghìn tấn, tăng 5%). Kim ngạch xuất khẩu thuỷ sản 7 tháng đầu năm đạt 4,95 tỷ USD, giảm 25,4%.

**2. Công tác bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản**

a) Tình hình triển khai

*- Công tác điều tra, đánh giá nguồn lợi thủy sản:* Theo kết quả điều tra, giai đoạn 2010 - 2020, trữ lượng trung bình nguồn lợi hải sản ở vùng biển Việt Nam ước tính khoảng 3,95 triệu tấn, trong khi sản lượng khai thác khoảng 3,66 triệu tấn (năm 2022), vượt quá giới hạn cho phép khai thác, nguồn lợi đã và đang suy giảm, đặc biệt là nhóm hải sản tầng đáy. Sản lượng khai thác thủy sản nội đồng khoảng 200.000 tấn/năm, có vai trò quan trọng trong việc cung cấp dinh dưỡng, sinh kế cho người dân, đặc biệt là đồng bào dân tộc thiểu số. Tuy nhiên, nguồn lợi thủy sản hiện nay nguồn lợi đang bị suy giảm, một số loài có nguy cơ cạn kiệt.

*- Công tác quản lý bảo tồn biển:* Thực hiện Quy hoạch hệ thống khu bảo tồn biển đến năm 2020 (Quyết định 742/QĐ-TTg ngày 26/3/2010), đã thành lập được 11/16 khu Bảo tồn biển[[2]](#footnote-2), đạt 174.748,85 ha (0,175% diện tích vùng biển).

*- Công tác tái tạo và phát triển nguồn lợi thủy sản:*Giai đoạn 2012 - 2020, thả giống tái tạo nguồn lợi hơn 400 triệu con giống, trong đó tập trung vào các loài có giá trị kinh tế, loài bản địa và loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm (trắm, chép, trôi, mè, trê, sặc rằn, lăng, chiên, he, hô, tôm sú, cua biển…).

- *Công tác đồng quản lý trong bảo bảo vệ nguồn lợi thủy sản:* Thực hiện Luật Thủy sản, áp dụng đồng quản lý trong bảo vệ nguồn lợi thủy sản. Một số địa phương tổ chức hiệu quả các tổ đồng quản lý trong bảo vệ nguồn lợi thủy sản như: Bình Thuận, Bình Định, Khánh Hòa, Thừa Thiên Huế, Hà Tĩnh, Tuyên Quang, Cà Mau, Kiên Giang,…

*- Công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức về bảo vệ nguồn lợi thủy sản:* Nâng cao nhận thức cho cộng đồng về bảo vệ nguồn lợi và môi trường sống của loài thuỷ sản bằng nhiều hình thức đa dạng đã được triển khai trên phạm vi cả nước, như: Phóng sự, diễn đàn trên Đài truyền hình Việt Nam, Đài Tiếng nói Việt Nam, VOV giao thông; bài viết trên các báo (Tạp chí thủy sản, Nông nghiệp Việt Nam, Tiền Phong, Nông thôn ngày nay, Tạp chí biển và hải đảo,...); In ấn và phát hành tờ rơi, áp phích, tài liệu hướng dẫn phổ biến, tuyền truyền pháp luật về thủy sản; tổ chức các lớp tập huấn, hội nghị, hội thảo tuyên truyền phổ biến các quy định về bảo vệ nguồn lợi thủy sản.

b) Tồn tại, hạn chế

- Ô nhiễm môi trường biển, ven biển đang diễn ra ngày càng nghiêm trọng; các hoạt động kinh tế ở vùng ven biển diễn biến ngày càng phức tạp...

- Tình trạng vi phạm pháp luật liên quan đến khai thác, bảo vệ nguồn lợi thủy sản vẫn diễn ra phổ biến, thường xuyên, như: còn hiện tượng sử dụng các nghề, ngư cụ có tính tận diệt nguồn lợi thuỷ sản như chất nổ, xung điện, lưới kéo, lưới kéo đôi (giã cào bay); đánh bắt cá con; đánh bắt trái phép ở vùng biển ven bờ, trong và xung quanh các khu bảo tồn biển, thủy vực nội đồng vẫn tiếp diễn ngày càng tinh vi; tình trạng đánh bắt, thu mua, vận chuyển, tiêu thụ các loài thuỷ sản nguy cấp, quý, hiếm vẫn còn diễn ra.

- Công tác điều tra, đánh giá nguồn lợi thủy sản đã được quan tâm triển khai nhưng còn một số khu vực chưa có thông tin, dữ liệu về nguồn lợi thủy sản do chưa thực hiện điều tra như: vùng biển sâu, vùng gò nổi, rạn ngầm,... đẫn đến chưa có đầy đủ thông tin về trữ lượng nguồn lợi thủy sản.

- Đối với công tác quản lý các khu bảo tồn biển: (1) Việc thành lập và đưa vào hoạt động các khu bảo tồn biển còn chậm (Hòn Mê - Thanh Hóa, Nam Yết - Khánh Hòa, Phú Quý - Bình Thuận); (2) Tổ chức bộ máy quản lý khu bảo tồn biển ở các tỉnh chưa thống nhất, đồng bộ; (3) Có khu bảo tồn biển đã được phê duyệt quy hoạch nhưng không thành lập được do Nghị quyết 18, 19 về tinh giảm biên chế và bộ máy (Cô Tô Đảo Trần - Quảng Ninh); (4) Các địa phương chưa bố trí đủ kinh phí, biên chế thực hiện.

- Thiếu các chính sách hỗ trợ chuyển đổi nghề cho ngư dân;

- Công tác tổ chức hỗ trợ cộng đồng tham gia bảo vệ nguồn lợi thuỷ sản, thực hiện đồng quản lý trong bảo vệ nguồn lợi thuỷ sản chưa đồng bộ, chủ yếu tập trung ở vùng biển ven bờ.

c) Các giải pháp thời gian tới

*- Về điều tra nguồn lợi thuỷ sản:* Triển khai thực hiện các Chương trình điều tra, đánh giá tổng thể nguồn lợi thủy sản và môi trường sống của thủy sản định kỳ 05 năm; Điều chỉnh cơ cấu tàu thuyền đối với một số nghề ở vùng biển phù hợp khả năng cho phép của nguồn lợi thủy sản.

*- Về công tác bảo vệ, bảo tồn và phát triển nguồn lợi thủy sản:* (i) Tổ chức thực hiện có hiệu quả: Quy hoạch bảo vệ và khai thác nguồn lợi thuỷ sản giai đoạn 2021 - 2030 (sau khi được phê duyệt), Chương trình quốc gia bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản 2023 - 2030; (ii) Rà soát, điều chỉnh, thành lập mới các khu bảo tồn biển cấp quốc gia, cấp tỉnh, nhằm đạt mục tiêu đạt tối thiếu 6% diện tích vùng biển cần bảo tồn theo Nghị Quyết 36-NQ/TW của Bộ Chính trị về thực hiện Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển; (iii) Xây dựng chính sách chuyển đổi nghề, chuyển đổi sinh kế cho cộng đồng ngư dân sang các nghề khác; hỗ trợ ngư dân trong thời gian tạm ngừng khai thác thuỷ sản; phát triển đồng quản lý trong bảo vệ nguồn lợi thủy sản; xây dựng các chính sách nhằm hỗ trợ các khu bảo tồn biển phát triển bền vững.

*- Về công tác tái tạo, phục hồi nguồn lợi thuỷ sản, phục hồi các hệ sinh thái:* Phục hồi, tái tạo nguồn lợi cần tập trung các loài nguy cấp, quý, hiếm, các loài bản địa, đặc hữu; xây dựng các dự án phục hồi hệ sinh thái rạn san hô, cỏ biển, tạo nơi cư trú nhân tạo. Tăng cường công tác quản lý hoạt động thả phóng sinh nguồn lợi thủy sản. Thành lập vào đưa vào hoạt động Quỹ bảo vệ và phát triển nguồn lợi thuỷ sản. Tiếp tục thực hiện hiệu quả Biên bản ký kết với Trung ương Giáo hội phật giáo Việt Nam; Khuyến khích, huy động các nguồn lực tham gia vào hoạt động tái tạo nguồn lợi thuỷ sản thông qua các tổ chức Hội, hiệp hội, Trung ương Giáo hội Phật giáo Việt Nam, các doanh nghiệp.

*- Tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát, thực thi pháp luật:* Tiếp tục tổ chức thực hiện Chỉ thị 19/CT-TTg ngày 30/7/2014 của Thủ tướng Chính phủ và xử lý nghiêm các hành vi vi phạm; Chỉ thị số số 29/CT-TTg ngày 01/11/2021 của Thủ tướng Chính phủ về một số giải pháp cấp bách nhằm tăng cường hiệu quả công tác quản lý khu bảo tồn biển Việt Nam. Kiện toàn lực lượng kiểm ngư; tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát và xử lý nghiêm vi phạm pháp luật trong khai thác bất hợp pháp, tiến đến chấm dứt tình trạng ngày.

**3. Hoạt động khai thác thủy sản**

a) Thông tin chung

- Hoạt động khai thác phải đảm bảo nguyên tắc: (i) Dựa vào trữ lượng nguồn lợi thủy sản, gắn với bảo vệ, tái tạo và phát triển nguồn lợi, không làm cạn kiệt nguồn lợi, không ảnh hưởng đến đa dạng sinh học; (ii) Tiếp cận thận trọng, dựa vào hệ sinh thái và các chỉ số khoa học trong quản lý hoạt động thủy sản để bảo đảm phát triển bền vững; (iii) Kết hợp chặt chẽ với bảo đảm quốc phòng, an ninh; thích ứng với biến đổi khí hậu và hội nhập quốc tế.

- Hoạt động khai thác thủy sản trên các vùng biển được quản lý thông qua hạn ngạch Giấy phép khai thác thủy sản. Căn cứ vào kết quả điều tra, đánh giá trữ lượng nguồn lợi thủy sản; xu hướng biến động nguồn lợi thủy sản; tổng sản lượng thủy sản tối đa cho phép khai thác bền vững; cơ cấu nghề, đối tượng khai thác, vùng biển khai thác, *Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xác định, giao hạn ngạch Giấy phép khai thác thủy sản*, sản lượng cho phép khai thác theo loài tại *vùng khơi* cho các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và *Ủy ban nhân dân cấp tỉnh* xác định hạn ngạch Giấy phép khai thác thủy sản, sản lượng cho phép khai thác theo loài tại *vùng ven bờ và vùng lộng thuộc phạm vi quản lý*. Hạn ngạch giấy phép được công bố, điều chỉnh 60 tháng một lần

- Nhà nước có chính sách đầu tư cho các hoạt động nghiên cứu, điều tra, đánh giá, bảo vệ, tái tạo nguồn lợi thủy sản và phục hồi hệ sinh thái thủy sinh; xây dựng cảng cá, khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá; hạng mục hạ tầng thiết yếu của khu bảo tồn biển; xây dựng hệ thống theo dõi, giám sát hoạt động của tàu cá trên biển; hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu quốc gia về thủy sản để phát triển nghề khai thác thủy sản hiệu quả, bền vững.

- Luật Thủy sản năm 2017 quy định các hành vi bị cấm trong hoạt động khai thác thủy sản, các hành vi vi phạm khai thác bất hợp pháp (khai thác IUU). Cơ quan có thẩm quyền có trách nhiệm xác nhận nguyên liệu, chứng nhận sản phẩm thủy sản có nguồn gốc từ khai thác tại vùng biển Việt Nam không vi phạm quy định khai thác bất hợp pháp cho tổ chức, cá nhân khi có yêu cầu. Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành văn bản[[3]](#footnote-3) theo thẩm quyền hướng dẫn thi hành Luật Thủy sản. Hệ thống pháp luật hiện hành cơ bản đảm bảo phát triển nghề cá bền vững, có trách nhiệm và phù hợp với các thông lệ quốc có liên quan.

b) Tình hình hoạt động khai thác thủy sản

- Hàng năm, sản lượng khai thác biển cơ bản không tăng, tuy nhiên chưa đáp ứng được kế hoạch và lộ trình theo Chiến lược phát triển Thủy sản đề ra.

- Hiện có 80 cảng cá đủ điều kiện hoạt động theo quy định của pháp luật; 53 cảng cá đủ điều kiện hệ thống xác nhận nguồn gốc thủy sản từ khai thác; 62 cảng cá cho tàu cá vùng khơi cập cảng.

- Công tác quản lý đội tàu đã đi vào nề nếp, thực hiện công bố và quản lý tốt số tàu theo hạn ngạch Giấy phép khai thác thủy sản, số lượng tàu cá đã giảm. Tổng số tàu cá tính đến hết tháng 6/2023 đang duy trì ở mức 86.820 tàu, trong đó tàu cá từ 6-12m là 38.500 chiếc; từ 12-15m là 18.229 chiếc; từ 15-24m là 27.503 chiếc; trên 24m là 2.588 chiếc. Chỉ tiêu đặt ra đến cuối năm 2023 còn 86.585 chiếc (giảm 3,5% so với năm 2022).

Hiện có 5.810 tổ đội sản xuất trên biển, với 48.000 tàu tham gia sản xuất cùng 252.000 ngư dân và cố gắng duy trì đến hết năm 2023.

- Công tác giám sát đội tàu: Đến nay, 84,4% tàu cá hiện có đã được đăng ký và cập nhật dữ liệu lên cơ sở dữ liệu quốc gia ngành thủy sản phục vụ công tác theo dõi, quản lý. 15,6% số tàu còn lại không đủ điều kiện để đăng ký và được địa phương thống kê theo dõi, quản lý. Có 28.797 tàu cá đã lắp thiết bị giám sát hành trình (đạt 97,65%). Tuy nhiên, số lượng tàu cá vi phạm quy định về duy trì kết nối hệ thống giám sát hành trình tàu cá còn diễn ra phổ biến.

- Công tác xác nhận và chứng nhận nguồn gốc thủy sản tại các cảng cá và  
chi cục thủy sản địa phương được thực hiện theo quy định tại  
Thông tư số 21/2018/TT-BNNPTNT và Thông tư số 01/2022/TT-BNNPTNT. Năm 2022, cả nước đã cấp được 3.091 giấy chứng nhận với khối lượng đạt 51.615 tấn thủy sản các loại. Trong 6 tháng đầu năm 2023 đã cấp được 2.512 giấy chứng nhận với khối lượng đạt 30.014 tấn thủy sản các loại.

c) Nhiệm vụ chủ yếu trong thời gian tới

- Thực hiện tốt các giải pháp khắc phục cảnh báo của Ủy ban Châu Âu về chống khai thác hải sản bất hợp pháp, không báo cáo, không theo quy định.

- Quản lý tốt hạn ngạch khai thác hải sản, giảm dần số lượng tàu cá khai thác và đẩy mạnh công tác chuyển đổi từ nghề khai thác xâm hại nguồn lợi thủy sản và môi trường sang làm các nghề khác cho ngư dân.

- Chỉ đạo các địa phương hướng dẫn ngư dân tổ chức khai thác trên biển theo chuỗi để tăng thời gian bám biển, tiết kiệm chi phí di chuyển ngư trường, nâng cao hiệu quả khai thác.

- Đẩy mạnh nghiên cứu ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ trong chế biến, bảo quản sản phẩm thủy sản khai thác, nâng cao giá trị sản phẩm.

- Tăng cường công tác quản lý khai thác thủy sản, đảm bảo an toàn cho người và tàu cá hoạt động trên biển.

- Tổ chức lại bộ máy quản lý cảng cá, đồng thời chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện một số nhiệm vụ về quản lý khai thác thủy sản cho ban quản lý cảng cá phù hợp, đảm bảo đủ năng lực thực hiện các nhiệm vụ được giao theo Luật Thủy sản năm 2017 và yêu cầu cấp bách hiện nay theo khuyến nghị của EC.

- Xây dựng và triển khai các chính sách phù hợp với thực tiễn sản xuất và định hướng phát triển ngành trong thời gian tới, đảm bảo chính sách được thực thi hiệu lực, hiệu quả, góp phần phát triển bền vững ngành thủy sản nói chung, nghề khai thác thủy sản nói riêng.

**4. Giải pháp tháo gỡ thẻ vàng của Ủy ban Châu Âu (EC) đối với khai thác thủy sản**

Hoạt động khai thác IUU là một trong những mối đe dọa nghiêm trọngnhất tới việc khai thác bền vững nguồn tài nguyên sinh vật, nhất làđối với đa dạng sinh học biển. EC ban hành quy định số 1005/2008 về thiết lập hệ thống cộng đồng nhằm phòng ngừa, ngăn chặn và xóa bỏ các hoạt động khai thác IUU, có hiệu lực từ ngày 01/01/2010. Ngày 23/10/2017, EC có thông báo áp dụng biện pháp cảnh báo “Thẻ vàng” đối với sản phẩm hải sản khai thác xuất khẩu của Việt Nam vào thị trường EU với lý do Việt Nam chưa kiểm soát được đội tàu dẫn đến tình trạng tàu cá Việt Nam vi phạm vùng biển nước ngoài gia tăng và chưa kiểm soát được tính hợp pháp sản phẩm hải sản từ khai thác xuất khẩu sang thị trường EU.

a) Nguyên nhân đến nay Việt Nam chưa gỡ được thẻ vàng

Mặc dù tích cực tổ chức thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp đồng bộ, quyết liệt chống khai thác IUU và đạt được nhiều kết quả quan trọng được EC ghi nhận đánh giá cao[[4]](#footnote-4), nhưng đến nay (7/2023) Việt Nam vẫn chưa gỡ được thẻ vàng, chủ yếu là do một số nguyên nhân sau:

***- Tình trạng tàu cá Việt Nam vi phạm vùng biển nước ngoài để đánh bắt trái phép vẫn còn diễn biến phức tạp:*** Từ đầu năm 2023 đến 8/8/2023 tiếp tục xảy ra 26 tàu/166 ngư dân bị nước ngoài bắt giữ, xử lý, gồm Ma-lai-xi-a, In-đô-nê-xi-a, Thái Lan (chưa kể các vụ việc bị Cam-pu-chia bắt giữ, xử lý 10 tàu/36 ngư dân), tập trung tại các tỉnh Bình Định, Khánh Hòa, Bình Thuận, Bến Tre, Bạc Liêu, Tiền Giang, Cà Mau và Kiên Giang; EC khẳng định ***không gỡ*** cảnh báo “Thẻ vàng” nếu không chấm dứt tình trạng này.

- ***Công tác xác nhận, chứng nhận nguồn gốc thủy sản từ khai thác*** trong nước, đặc biệt là nhập khẩu còn nhiều tồn tại, bất cập, vẫn chưa đáp ứng yêu cầu truy xuất nguồn gốc của EC.

***- Việc xử lý các hành vi khai thác IUU còn hạn chế:*** Công tác thực thi pháp luật, xử lý, xử phạt các hành vi khai thác IUU tại một số địa phương rất yếu kém, thiếu trách nhiệm và chưa thống nhất, đồng bộ; đặc biệt là vi phạm khai thác bất hợp pháp ở vùng biển nước ngoài, mất kết nối VMS, vượt ranh giới trên biển…

b) Những nội dung chỉ đạo của Chính phủ, Bộ Nông nghiệp và PTNT nhằm khắc phục các tồn tại, hạn chế theo khuyến nghị của Ủy ban Châu Âu để gỡ “thẻ vàng” đối với IUU

**(1)** Đối với cấp Trung ương: (**i**) **Thường trực Ban Bí thư** đã ban hành Văn bản số 81-CV/TW ngày 20/3/2020 về tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện hiệu quả công tác phòng, chống khai thác IUU; coi đây là nhiệm vụ ưu tiên, cấp bách tại địa phương; (**ii**) **Lãnh đạo cấp cao của Nhà nước, Quốc hội, Chính phủ** đã có nhiều cuộc tiếp xúc, trao đổi với Lãnh đạo cấp cao của Liên minh Châu Âu về cam kết, nỗ lực, quyết tâm chính trị của Việt Nam về chống khai thác IUU; (**iii**) **Thủ tướng Chính phủ** đã: Ban hành 03 Chỉ thị, 04 Công điện, 03 Quyết định[[5]](#footnote-5) và Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính đã trực tiếp chủ trì 02 cuộc họp trực tuyến với các Ban, Bộ, Ngành Trung ương có liên quan và địa phương; chỉ đạo trực tiếp đến cấp xã/phường/thị trấn, huyện/quận/thị xã có biển của 28 tỉnh, thành phố ven biển trực thuộc Trung ương; (**iv**) **Ban chỉ đạo quốc gia về IUU** đã tổ chức 07 cuộc họp để sơ kết, đánh giá kết quả thực hiện và chỉ đạo tiếp tục khắc phục IUU với các nhiệm vụ, giải pháp thực tiễn trong từng thời gian cụ thể; (**v**) **Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn** (Cơ quan thường trực Ban chỉ đạo) ban hành nhiều văn bản chỉ đạo, hướng dẫn và thường xuyên tổ chức các cuộc họp, các Đoàn công tác kiểm tra, chỉ đạo, đôn đốc hướng dẫn địa phương thực hiện và chuẩn bị nội dung, kế hoạch tiếp và làm việc với Đoàn Thanh tra của EC lần thứ 4 đảm bảo đạt kết quả tốt nhất; đặc biệt đã tổ chức Hội nghị triển khai Quyết định số 81/QĐ-TTg và Công điện số 265/CĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ tại Bình Định ngày 21/4/2023; (**vi**) **Bộ Quốc phòng:** Thường xuyên tổ chức các cuộc họp để chỉ đạo, tổ chức thực hiện nhiều giải pháp theo chức năng, nhiệm vụ được giao để ngăn chặn tàu cá, ngư dân Việt Nam vi phạm khai thác hải sản bất hợp pháp ở vùng biển nước ngoài; định kỳ tổng hợp, báo cáo kết quả gửi Cơ quan thường trực Ban chỉ đạo quốc gia về IUU theo quy định; (**vii**) **Các Ban, Bộ, Ngành Trung ương có liên quan**: Đã tích cực triển khai các nhiệm vụ được giao về hợp tác quốc tế (Bộ Ngoại giao), thông tin truyền thông (Ban Tuyên giáo TW, Bộ Thông tin truyền thông) và bố trí kinh phí, nguồn lực chống khai thác IUU (Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư)…

**(2)** Đối với 28 tỉnh, thành phố ven biển trực thuộc Trung ương:Thành lập, kiện toàn Ban chỉ đạo IUU của tỉnh, ban hành Nghị quyết, Chỉ thị, cơ chế, chính sách để nâng cao hiệu quả chống khai thác IUU, như: Hỗ trợ kinh phí cho ngư dân lắp đặt thiết bị giám sát hành trình tàu cá (VMS), bố trí nguồn lực tại cảng cá để kiểm soát sản lượng khai thác thủy sản cập cảng (cả khai thác trong nước và nhập khẩu); tăng cường công tác chỉ đạo, kiểm tra, kiểm điểm trách nhiệm các tổ chức, cá nhân liên quan chưa hoàn thành nhiệm vụ được giao để tàu cá địa phương tiếp tục vi phạm khai thác hải sản bất hợp pháp ở vùng biển nước ngoài theo yêu cầu của Thủ tướng Chính phủ tại Công điện số 265/CĐ-TTg…

c) Đánh giá chung của Đoàn Thanh tra EC đến nay (7/2023)

Sau lần thanh tra thứ 3 (10/2022), Đoàn vẫn tiếp tục khuyến nghị thực hiện 4 nhóm vấn đề bao gồm: (i) Khung pháp lý; (ii) Quản lý đội tàu, theo dõi, kiểm tra kiểm soát tàu cá; (iii) Truy xuất nguồn gốc; (iv) Thực thi pháp luật.

**Đánh giá về kết quả thực hiện các khuyến nghị: *Đã có những chuyển biến tích cực***. EC đã tiếp tục ghi nhận, đánh giá cao:

+ Quyết tâm chính trị của Việt Nam, đặc biệt là sự quan tâm, chỉ đạo quyết liệt của Thường trực Ban Bí thư, của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

+ Bộ Nông nghiệp và PTNT đã phối hợp tốt với các Bộ, Ngành và địa phương chỉ đạo và tổ chức triển khai nhiều giải pháp tích cực để chống khai thác IUU; chuẩn bị tốt nội dung, kế hoạch, chương trình làm việc với Đoàn Thanh tra của EC, cung cấp đầy đủ các hồ sơ, tài liệu liên quan đảm bảo tính minh bạch, trung thực và khánh quan.

+ Tình hình chống khai thác IUU đã có sự tiến bộ hơn rất nhiều so với đợt thanh tra thực tế lần thứ 2 vào năm 2019, cụ thể như; (**i**) Khung pháp lý cơ bản đã đáp ứng được yêu cầu quốc tế về chống khai thác IUU và tiếp tục được hoàn thiện theo hướng tích cực; (**ii**) Công tác quản lý đội tàu, lắp đặt thiết bị VMS đã có sự chuyển biến tích cực; đã triển khai hệ thống phần mềm theo dõi, quản lý hoạt động xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực thủy sản; (**iii**) Thực hiện việc kiểm soát sản phẩm thủy sản nhập khẩu theo quy định của Hiệp định PSMA về tổng thể đã có sự cải thiện tốt hơn so với trước.

d) Các giải pháp tập trung để tháo gỡ Thẻ vàng

***(1) Thực hiện các biện pháp mạnh, kiên quyết ngăn chặn từ nay trở đi không để xảy ra tình trạng tàu cá khai thác hải sản bất hợp pháp ở vùng biển nước ngoài***

*- Bộ Quốc phòng* chủ trì, phối hợp với Bộ Nông nghiệp và PTNT, các Bộ, Ngành, địa phương có liên quan:

+Tập trung cao điểm tuần tra, kiểm tra, kiểm soát tàu cá hoạt động trên biển; đặc biệt tại vùng biển giáp ranh, chồng lấn, chưa phân định giữa Việt Nam và các nước có biển liên quan (Ma-lai-xi-a, In-đô-nê-xi-a…), các khu vực tập trung nhiều tàu cá hoạt động khai thác hải sản và tại các đảo, cửa sông, cửa lạch, bãi ngang… nơi tiềm ẩn nguy cơ các tàu không đăng ký, không có giấy phép khai thác, không lắp thiết bị VMS… lẩn tránh sự kiểm soát của lực lượng chức năng để tham gia khai thác hải sản bất hợp pháp.

+ Kiểm tra, kiểm soát 100% tàu cá xuất, nhập bến qua các đồn/trạm biên phòng tuyến biển phải đảm bảo đủ các điều kiện theo quy định khi tham gia hoạt động khai thác thủy sản; nếu để xảy ra các trường hợp tàu cá không đủ điều kiện vẫn được xác nhận xuất, nhập bến tham gia hoạt động khai thác thủy sản thì chỉ huy đơn vị đó chịu trách nhiệm trước Bộ Quốc phòng và trước pháp luật.

+ Điều tra, xử phạt triệt để các trường hợp vi phạm khai thác hải sản bất hợp pháp ở vùng biển nước ngoài; trường hợp đủ căn cứ xử lý hình sự, tiến hành điều tra, truy tố theo quy định pháp luật các hành vi cố tình vi phạm khai thác hải sản bất hợp pháp ở vùng biển nước ngoài *(xóa số đăng ký, sử dụng số đăng ký giả trong nước hoặc của nước ngoài; ngắt kết nối thiết bị VMS hoặc gửi thiết bị VMS trên tàu cá khác…)*.

+ Cùng với Bộ Công an điều tra, xử lý, truy tố hình sự các tổ chức, cá nhân thực hiện hành vi môi giới, móc nối đưa tàu cá, ngư dân Việt Nam đi khai thác hải sản bất hợp pháp ở vùng biển nước ngoài.

*- Bộ Công an:* Khẩn trương điều tra, củng cố hồ sơ, đưa ra truy tố, xử lý các tổ chức, cá nhân thực hiện hành vi môi giới, móc nối đưa tàu cá, ngư dân Việt Nam đi khai thác hải sản bất hợp pháp ở vùng biển nước ngoài và môi giới chuộc tàu cá, ngư dân bị nước ngoài bắt giữ về nước trái phép.

*- Bộ Ngoại giao*tăng cường phối hợp với các bộ, ngành liên quan:

+ Đẩy nhanh tiến độ đàm phán, ký kết, phân định vùng biển chồng lấn, vùng chưa phân định giữa Việt Nam với các nước; xác định ranh giới được phép khai thác hải sản trên các vùng biển nhằm chấm dứt tình trạng tàu cá bị lực lượng chức năng nước ngoài xua đuổi, bắt giữ, xử lý trên vùng biển tiếp giáp với các nước trong khu vực.

+ Chỉ đạo Đại sứ quán Việt Nam ở nước ngoài liên hệ với nước sở tại có tàu cá và ngư dân Việt Nam bị bắt giữ, xử lý. Kịp thời cung cấp thông tin liên quan các bản án của các tàu cá và ngư dân bị bắt giữ cho lực lượng chức năng trong nước điều tra, xử lý dứt điểm các trường hợp vi phạm khai thác hải sản bất hợp pháp ở vùng biển nước ngoài.

Đối với những trường hợp tàu cá và ngư dân đã và đang bị nước ngoài bắt giữ ở vùng nước lịch sử, các khu vực biển chồng lấn cần có phản ứng kịp thời để đấu tranh thực hiện tốt công tác bảo hộ công dân, nhanh chóng lên tiếng bằng các hình thức khác nhau với các quốc gia và các tổ chức quốc tế liên quan.

*- Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố ven biển trực thuộc Trung ương:*

+ Phối hợp chặt chẽ với Bộ Quốc phòng để ngăn chặn tàu cá địa phương vi phạm khai thác hải sản bất hợp pháp ở vùng biển nước ngoài; nếu tiếp tục để xảy ra vi phạm phải chịu trách nhiệm trước Thủ tướng Chính phủ.

+ Nắm toàn bộ thông tin tàu cá có nguy cơ cao vi phạm khai thác IUU *(tàu chưa đăng ký, chưa cấp giấy phép khai thác thủy sản, chưa lắp đặt thiết bị giám sát hành trình tàu cá, tàu thường xuyên hoạt động trên địa bàn ngoài tỉnh…),* giao trách nhiệm cụ thể cho từng tổ chức, cá nhân (chính quyền cơ sở (xã/phường, thị trấn), đảng viên, công an xã, đồn biên phòng…) để theo dõi, quản lý; đồng thời cung cấp cho Bộ Quốc phòng để chỉ đạo lực lượng biên phòng tuyến biển kiểm tra, kiểm soát.

+ Nghiêm cấm các chủ nậu, vựa, cơ sở/doanh nghiệp thu, mua sản phẩm thủy sản khai thác từ tàu cá vi phạm khai thác bất hợp pháp ở vùng biển nước ngoài, tàu chuyển tải thực hiện chuyển tải sản phẩm thủy sản khai thác từ tàu cá khai thác bất hợp pháp ở vùng biển nước ngoài; thường xuyên kiểm tra, kiên quyết xử lý nghiêm, tiến hành điều tra, truy tố hình sự theo quy định đối với các trường hợp vi phạm, cố tình móc nối để làm ăn phi pháp.

***(2) Thực hiện truy xuất nguồn gốc thủy sản khai thác; kiểm soát nguyên liệu thủy sản khai thác nhập khẩu, đặc biệt nhập khẩu bằng tàu Container***

*- Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố ven biển trực thuộc Trung ương:*

+ Tổ chức thực hiện nghiêm việc kiểm soát tàu cá ra vào cảng, giám sát sản lượng thủy sản khai thác bốc dỡ qua cảng; tuân thủ đúng quy định việc xác nhận, chứng nhận và truy xuất nguồn gốc thủy sản khai thác đảm bảo theo chuỗi (Nhật ký khai thác đối khớp với dữ liệu VMS, đối tượng khai thác khớp với nghề khai thác, thực hiện kiểm tra chéo giữa các địa phương và với các doanh nghiệp…).

+ Có phương án điều động, biệt phái, bố trí đủ nhân lực có chuyên môn, nghiệp vụ và kinh phí thực hiện nhiệm vụ chống khai thác IUU cho cơ quan quản lý thủy sản tại địa phương, đặc biệt là tại cảng cá.

*- Bộ Nông nghiệp và PTNT chủ trì, phối hợp với các Bộ: Quốc phòng, Tài chính, Giao thông vận tải, Công An và các cơ quan, đơn vị có liên quan:* (i) Khẩn trương điều tra xác minh các vụ việc nghi vấn nhập lậu, hợp thức hóa sản phẩm từ khai thác IUU, xử lý nghiêm triệt để theo quy định của pháp luật các trường hợp vi phạm, đồng thời xây dựng các phương án làm việc với đoàn thanh tra của EC trên cơ sở kết quả của các vụ xác minh; (ii) Thực hiện đúng quy định kiểm soát sản phẩm thủy sản khai thác từ tàu nước ngoài cập cảng theo quy định của Hiệp định về biện pháp các quốc gia có cảng; (iii) Đàm phán với EC sửa đổi khung pháp lý về kiểm soát nguyên liệu nhập khẩu có nguồn gốc từ khai thác nhập khẩu vào Việt Nam qua đường container.

***(3) Tập trung cao điểm xử lý các hành vi vi phạm IUU***

*- Các Bộ: Quốc phòng, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố ven biển trực thuộc Trung ương* chỉ đạo các lực lượng thực thi pháp luật (Biên phòng, Cảnh sát biển, Kiểm ngư, Thanh tra thủy sản…) tăng cường tuần tra, kiểm tra, kiểm soát, nhất là việc sử dụng phương tiện, thiết bị kỹ thuật theo quy định để xác định vi phạm, thu thập bằng chứng, chứng cứ, xử lý nghiêm vi phạm khai thác IUU; kiên quyết ngăn chặn, xử lý nghiêm tàu cá không đủ điều kiện tham gia hoạt động khai thác thủy sản.

*- Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố ven biển trực thuộc Trung ương chỉ đạo các cơ quan, đơn vị chức năng có liên quan tại địa phương:*

+ Tập trung điều tra, xác minh, xử lý triệt để các hành vi vi phạm hành chính theo quy định tại Nghị định số 42/2019/NĐ-CP của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thủy sản.

+ Điều tra, xác minh, xử phạt 100% các trường hợp: (i) tàu cá ngắt kết nối thiết bị VMS trên 10 ngày, ngắt kết nối thường xuyên khi khai thác trên biển, và vượt ranh giới trên biển theo quy định; (ii) các đơn vị cung cấp thiết bị giám sát hành trình tàu cá không tuân thủ các quy định về lắp đặt, cung cấp các dịch vụ bảo hành, sửa chữa thiết bị VMS hư hỏng cho người dân.

+ Thường xuyên thanh tra, kiểm tra công vụ, kịp thời chấn chỉnh, kiểm điểm trách nhiệm, điều động, luân chuyển cán bộ không đủ năng lực lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức triển khai các nhiệm vụ được giao; kiên quyết xử lý nghiêm các tổ chức, cá nhân không hoàn thành chức trách, nhiệm vụ được giao, không tuân thủ chỉ đạo, hướng dẫn của cấp trên gây ảnh hưởng đến nỗ lực gỡ cảnh báo “Thẻ vàng” của cả nước.

*- Bộ Nông nghiệp và PTNT, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố ven biển trực thuộc Trung ương chủ trì, phối hợp với các Bộ, Ngành có liên quan theo thẩm quyền:*

+ Tổ chức thanh tra, kiểm tra, xử lý nghiêm các vi phạm về hồ sơ truy xuất nguồn gốc tại các tổ chức giám sát thủy sản khai thác qua cảng, xác nhận, chứng nhận nguồn gốc thủy sản khai thác và các doanh nghiệp nhập khẩu, thu mua, chế biến, xuất khẩu thuỷ sản khai thác vào thị trường châu Âu.

+ Thu hồi hoặc đình chỉ hoạt động kinh doanh đối với các doanh nghiệp, đưa ra khỏi danh sách cảng cá chỉ định có đủ điều kiện xác nhận nguồn gốc thủy sản khai thác vi phạm các quy định về IUU; trường hợp đủ căn cứ xử lý hình sự, điều tra truy tố theo quy định pháp luật hành vi cố tình vi phạm, hợp thức hóa hồ sơ đối với các lô hàng thủy sản xuất khẩu.

**(4)** Tăng cường công tác truyền thông**, nâng cao hiệu quả phối hợp, bảo đảm nguồn lực**

- Tiếp tục thông tin, truyền thông, tuyên truyền, tập huấn, vận động cộng đồng ngư dân ven biển và các tổ chức, cá nhân có liên quan tuân thủ các quy định pháp luật về IUU, phối hợp với các lực lượng chức năng có liên quan kịp thời phát hiện, tố giác, xử lý các hành vi khai thác IUU.

- Phối hợp chặt chẽ để hoàn thành thực hiện nhiệm vụ chống khai thác IUU theo chức năng, nhiệm vụ được giao, thường xuyên tổng hợp, cập nhật báo cáo kết quả thực hiện về Bộ Nông nghiệp và PTNT để tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ theo quy định.

- Đảm bảo nguồn lực, kinh phí khẩn trương hoàn thành việc khắc phục các tồn tại, hạn chế theo khuyến nghị của EC tại đợt thanh tra lần thứ 3; chuẩn bị nội dung và các điều kiện tốt nhất để chuẩn bị tiếp và làm việc với Đoàn Thanh tra của EC lần thứ 4. Tuyệt đối không lơ là chủ quan, không dung túng, kiên quyết xử lý nghiêm các tổ chức, cá nhân vì lợi ích riêng cố tình thực hiện hành vi trái phép ảnh hưởng đến lợi ích quốc gia, dân tộc, hình ảnh của đất nước trên trường quốc tế.

**(5) Các Hội, Hiệp hội thủy sản, Doanh nghiệp xuất khẩu thủy sản**

- Kiên quyết từ chối thu mua, chế biến, xuất khẩu các sản phẩm thủy sản có nguồn gốc từ khai thác IUU. Phối hợp với các cơ quan chức năng để cung cấp thông tin, xử lý nghiêm các doanh nghiệp thủy sản làm ăn phi pháp, hợp thức hóa hồ sơ, tiếp tay, dung túng cho hành vi khai thác IUU.

- Tích cực vận động hội viên gương mẫu, thực hiện tốt các quy định về phòng, chống khai thác IUU.

**C. Vấn đề về: Việc chuyển đổi mục đích sử dụng, thu hồi diện tích đất trồng lúa, bảo đảm an ninh lương thực và xuất khẩu gạo.**

**1. Diện tích đất trồng lúa, chuyển đổi mục đích sử dụng, thu hồi diện tích đất trồng lúa**

Bộ Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm trước Chính phủ trong việc thống nhất quản lý nhà nước về đất đai (khoản 2 Điều 23 Luật Đất đai năm 2013), trong đó bao gồm đất trồng lúa; chuyển đổi mục đích sử dụng, thu hồi diện tích đất trồng lúa. Tinh hình đất trồng lúa và chuyển đổi cụ thể như sau:

***- Diện tích đất trồng lúa:*** Tính đến ngày 31/12/2020 diện tích trồng lúa cả nước là 3.940.619 ha (Quyết định số 387/QĐ-BTNMT ngày 02/03/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường).

***- Diện tích chuyển đổi mục đích sử dụng, thu hồi*** diện tích đất trồng lúa: Tính từ năm 2021 hết đến tháng 7 năm 2023 đã chuyển đổi và thu hồi khoảng 6.370 ha *(năm 2021: 2040 ha; năm 2022: 2220 ha; đến tháng 7 năm 2023: 2.110 ha)*. Đây là diện tích Bộ Nông nghiệp và PTNT đã và đang phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường thẩm định trình Thủ tướng Chính phủ chấp thuận.

- Với diện tích chuyển đổi mục đích sử dụng, thu hồi diện tích đất trồng lúa do Quốc hội quyết định, Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chủ trương đầu tư, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh Quyết định (dưới 10 ha) thì Bộ Nông nghiệp và PTNT không có đầy đủ thông tin.

**2. Bảo đảm an ninh lương thực và xuất khẩu lúa gạo**

An ninh lương thực (ANLT) quốc gia luôn là vấn đề thiết yếu, cấp bách khi nguồn cung và khả năng tiếp cận lương thực đang chịu tác động lớn của biến đổi khí hậu, thiên tai, ô nhiễm môi trường, dịch bệnh xuyên biên giới ngày càng khốc liệt, khó lường; quá trình công nghiệp hóa, đô thị hóa diễn ra mạnh mẽ. Ngày nay, việc đảm bảo ANLT không chỉ đề cập đến đủ lượng lúa gạo, mà còn bao gồm các sản phẩm lương thực, thực phẩm khác như thịt cá, rau quả, cây lương thực khác. Tuy nhiên, với cơ cấu tiêu dùng hiện nay thì gạo vẫn là mặt hàng tiêu dùng chính, chiếm 70% trong tiêu dùng lương thực thực phẩm (LTTP) của hộ. Việc giữ đất lúa là cần thiết để bảo đảm an ninh lương thực quốc gia, đồng thời phải bảo đảm sinh kế, thu nhập cho người trồng lúa trên cơ sở phát huy nguồn lực của Nhà nước, nhân dân và các thành phần kinh tế.

Bộ Chính trị đã có Kết luận số 81-KL/TW ngày 29/7/2020 về “Bảo đảm an ninh lương thực quốc gia đến năm 2030”, trong đó nêu rõ sự cần thiết nâng cao hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp; giữ ổn định **3,5 triệu ha** đất lúa, sản lượng lúa hằng năm bảo đảm ít nhất **35 triệu tấn**, làm nòng cốt bảo đảm an ninh lương thực quốc gia, góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, nâng cao đời sống nhân dân, ổn định chính trị, xã hội trong mọi tình huống. Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 34/NQ-CP ngày 25/3/2021 về bảo đảm an ninh lương thực quốc gia đến năm 2030; trong đó yêu cầu đến *năm 2030 giữ ổn định 3,5 triệu ha đất lúa*, với *sản lượng lúa hàng năm bảo đảm ít nhất 35 triệu tấn, xuất khẩu khoảng 4 triệu tấn gạo*.

Giai đoạn 2021-2025, Quốc hội đã ban hành Nghị quyết số 39/2021/QH15 về quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, kế hoạch sử dụng đất quốc gia 5 năm 2021-2025; trong đó ***đến năm 2030, chỉ tiêu đất trồng lúa cả nước có 3,57 triệu ha***, giảm 348 nghìn ha so với năm 2020 (đất chuyên trồng lúa nước là 3.001 triệu ha, giảm 175 nghìn ha so với năm 2020); cho phép linh hoạt ***chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trong phạm vi tối đa 300 nghìn ha đất trồng lúa,*** nhưng không làm thay đổi tính chất, điều kiện sử dụng đất trồng lúa để có thể chuyển đổi trở lại trồng lúa khi cần thiết; hạn chế và kiểm soát chặt chẽ việc chuyển đổi đất trồng lúa, nhất là đất chuyên trồng lúa nước sang đất phi nông nghiệp, đặc biệt là đất khu công nghiệp. Chính phủ đã ban hành Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09/3/2022 phân bổ chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021 - 2030, kế hoạch sử dụng đất quốc gia 5 năm 2021 -2025 cho các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Bộ Quốc phòng, Bộ Công an.

Hiện nay, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đang khẩn trương hoàn thành việc lập quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030; lập kế hoạch sử dụng đất 5 năm 2021-2025 cấp tỉnh; quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất hàng năm cấp huyện; các Bộ, ngành đang hoàn thành việc lập quy hoạch ngành quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch đô thị, quy hoạch nông thôn, quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành liên quan có sử dụng đất bảo đảm tuân thủ chỉ tiêu sử dụng đất, đồng bộ, thống nhất với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất quốc gia.

a) Đảm bảo an ninh lương thực đến năm 2030

Với việc giữ **diện tích đất trồng lúa là 3,5 triệu ha** đến năm 2030 theo kết luận số 81-KL/TW ngày 29/7/2020, Nghị quyết số 34/NQ-CP ngày 25/3/2021, Nghị quyết số 39/2021/QH15 thì ***diện tích gieo trồng lúa là khoảng 7,0 triệu ha sẽ cho sản lượng khoảng 43 triệu tấn thóc/năm,*** tương đương với 27-28 triệu tấn gạo.

Trong khi đó theo tính toán ở mức an toàn rất cao của Bộ Nông nghiệp và PTNT: Lượng lúa dùng cho đảm bảo an ninh lương thực của 100 triệu dân[[6]](#footnote-6) và các nhu cầu tiêu thụ nội địa khác (dùng chế biến, thức ăn chăn nuôi[[7]](#footnote-7), dự trữ trong dân, dự trữ quốc gia[[8]](#footnote-8), làm giống[[9]](#footnote-9)...) khoảng 29,5 triệu tấn thóc/năm, chúng ta còn khoảng 13,5 triệu tấn thóc (tương đương 7-8 triệu tấn gạo) dùng cho xuất khẩu.

Bên cạnh lượng sản xuất hàng năm thì hàng năm còn nhập khẩu. Ví dụ, lượng nhập khẩu từ Campuchia đạt khoảng trên 1 triệu tấn/năm, có thể bù đắp trong trường hợp cần thiết. Việt Nam cũng nhập khẩu từ Ấn Độ nhưng chủ yếu sử dụng cho nhu cầu chế biến thực phẩm, làm thức ăn chăn nuôi nên việc Ấn Độ cấm xuất khẩu gạo trắng không ảnh hưởng lớn đến gạo phục vụ cho tiêu dùng của Việt Nam.

Ngoài lúa gạo, hàng năm Việt Nam còn sản xuất bình quân khoảng hơn 7 triệu tấn thịt hơi xuất chuồng, 10 triệu tấn thủy sản và chục triệu tấn rau quả. Như vậy, về tổng thế ở cấp độ quốc gia vấn đề ANLT nếu xét trên khả năng cung cấp là đảm bảo.

b) An ninh lương thực năm 2023

- Kế hoạch sản xuất: Tổng diện tích lúa cả nước năm 2023 khoảng 7,1 triệu ha; năng suất trung bình đạt 60,7 tạ/ha, sản lượng ước đạt trên 43,1 triệutấn thóc, tăng khoảng trên 452 nghìn tấn so với năm 2022, trong đó: Từ nay đến cuối năm nếu không có diễn biến bất thường của thời tiết thì sản lượng lúa sẽ bảo đảm kế hoạch đáp ứng đầy đủ nhu cầu lúa gạo trong nước và đáp ứng yêu cầu xuất khẩu.

*- Nhu cầu tiêu thụ lúa gạo trong nước:* Khoảng 29,5 triệu tấn thóc, trong đó:

+ Tiêu thụ của người dân: 13,8 triệu tấn thóc (100 triệu người x 90,0 kg gạo/người/năm = 8,97 triệu tấn gạo)

+ Phục vụ chế biến: 7,5 triệu tấn thóc.

+ Phục vụ chăn nuôi: 3,4 triệu tấn thóc.

+ Dùng làm giống, giống dự phòng: 1,0 triệu tấn thóc.

+ Dự trữ trong nước: 3,8 triệu tấn thóc.

Căn cứ vào nhu cầu sản lượng thóc dành cho bảo đảm an ninh lương thực, và các nhu cầu tiêu khác nội địa năm 2021 cả nước là: **23,78 triệu tấn** thóc bao gồm lượng gạo lương thực, làm giống, TĂCN, chế biến, dự trữ, tồn kho, hao hụt (Theo số liệu của Trung tâm Chuyển đổi số và Thống kê nông nghiệp- Bộ Nông nghiệp và PTNT) việc dự tính cân đối nhu cầu tiêu dùng trong nước năm 2023 là khoảng **29,5 triệu tấn** thóc có hệ số an toàn rất cao.

*- Xuất khẩu:* Lượng gạo xuất khẩu năm 2023 ước trên 7,0 triệu tấn (tương đương khoảng 14 triệu tấn thóc).

\*

Trên đây là *Báo cáo một số nội dung liên quan đến nhóm vấn đề chất vấn tại Phiên họp thứ 25 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội*, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xin trân trọng báo cáo./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - Như trên;  - Ủy ban Thường vụ Quốc hội (đề b/c);  - Thường trực Chính phủ (để b/c);  - Tổng Thư ký Quốc hội;  - Văn phòng Bộ;  - Lưu: VT, KH. | **BỘ TRƯỞNG**  **(Đã ký)**  **Lê Minh Hoan** |

1. Đã vượt mức tăng trung bình hàng năm trong giai đoạn 2021-2030 theo Chiến lược phát triển thủy sản đã đề ra *(1,4%/năm).* [↑](#footnote-ref-1)
2. 05 khu bảo tồn biển (Bạch Long vĩ, Cồn Cỏ, Lý Sơn, Hòn Cau, Vườn Quốc Gia Phú Quốc) 04 Vườn quốc gia có quản lý bảo tồn biển (Bái Tử Long – Quảng Ninh; Cát Bà – Hải Phòng; Núi Chúa – Ninh Thuận; Côn Đảo – Bà Rịa Vũng Tàu); 02 khu vực biển được thành lập ban quản lý bảo vệ (Cù Lao Chàm – Quảng Nam; Vịnh Nha Trang – Khánh Hòa) và 01 khu bảo tồn biển mới được thành lập nhưng chưa có Ban quản lý (Cô Tô – Quảng Ninh) [↑](#footnote-ref-2)
3. Nghị định số 26/2019/NĐ-CP; Nghị định số 42/2019/NĐ-CP; Thông tư số 19/2018/TT-BNNPTNT; Thông tư số 20/2018/TT-BNNPTNT; Thông tư số 21/2018/TT-BNNPTNT; Thông tư số 22/2018/TT-BNNPTNT; Thông tư số 23/2018/TT-BNNPTNT ; Thông tư số 24/2018/TT-BNNPTNT; Thông tư số 01/2022/TT-BNNPTNT [↑](#footnote-ref-3)
4. Như: Quốc hội thông qua Luật Thủy sản tháng 11/2017; Ngày 06/7/2018, Chính phủ có Nghị quyết số 89/NQ-CP gia nhập Hiệp định về các biện pháp quốc gia có cảng của FAO (PSMA) nhằm phòng ngừa, ngăn chặn và xóa bỏ khai thác IUU, được FAO chấp thuận từ ngày 02/02/2019; Đến năm 2020 đã chấm dứt tình trạng tàu cá Việt Nam vi phạm vùng biển các quốc đảo Thái Bình Dương… [↑](#footnote-ref-4)
5. Như: (1) **Tại Quyết định số 81/QĐ-TTg** **ngày 13/02/2023** phê duyệt “Kế hoạch hành động chống khai thác IUU, chuẩn bị làm việc với Đoàn Thanh tra của EC lần thứ 4”, Thủ tướng Chính phủ yêu cầu các Bộ, Ngành, địa phương có liên quan thực hiện từng nhiệm vụ cụ thể, kết quả phải đạt được và thời gian hoàn thành thực hiện các khuyến nghị của EC tại đợt thanh tra lần thứ 3; (2)  **Tại Công điện số 265/CĐ-TTg ngày 17/4/2023**, Thủ tướng Chính phủ tiếp tục chỉ đạo các Bộ, Ngành, địa phương có liên quan tập trung triển khai quyết liệt các biện pháp mạnh trong chống khai thác IUU, trong đó phê bình và yêu cầu các tỉnh tiếp tục để tàu cá địa phương vi phạm khai thác hải sản bất hợp pháp ở vùng biển nước ngoài tổ chức kiểm điểm trách nhiệm của tổ chức, cá nhân có liên quan. [↑](#footnote-ref-5)
6. Theo số liệu Điều tra mức sống dân cư Việt Nam, bình quân một người Việt Nam tiêu dùng 83kg/năm, ở nông thôn là 92kg/người/năm và thành thị là 68,4kg/người/năm. Như vậy tổng gạo cần cho nhu cầu tiêu dùng của con người là khoảng 8,7 triệu tấn gạo [↑](#footnote-ref-6)
7. Phục vụ chế biến khoảng 7,5 triệu tấn thóc, phục vụ chăn nuôi khoảng 3,4 triệu tấn thóc. [↑](#footnote-ref-7)
8. Khoảng 240-300 ngàn tấn gạo/năm [↑](#footnote-ref-8)
9. Khoảng 1,1 triệu tấn thóc [↑](#footnote-ref-9)